

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **42** /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày **06** tháng **7** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2022 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2022, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Sơn

16. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

16.1. Ngôn ngữ học lý thuyết (Theoretical Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngữ âm học / Âm vị học, Hình thái học, Cú pháp học, Từ vựng học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học, Loại hình ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh lịch sử;

16.2. Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngôn ngữ học đối chiếu, Giáo dục ngôn ngữ, Phiên dịch học, Từ điển học, Kế hoạch hóa ngôn ngữ, Chính sách ngôn ngữ;

16.3. Ngôn ngữ học liên ngành (Interdisciplinary Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngôn ngữ học xã hội, Ngôn ngữ học văn hóa, Ngôn ngữ học nhân chủng, Ngôn ngữ học tâm lý, Ngôn ngữ học thần kinh, Ngôn ngữ học địa lý, Ngôn ngữ học máy tính.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF >2,0)	0 – 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF <2,0)	0 – 2,0
				ISI, SCOPUS	0 – 1,5
2.	Các tạp chí quốc tế khác		Tạp chí	Theo Quyết định số 251/QĐ – HĐQL – NAFOSTED ngày 11/12/2019; do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,50
5.	Báo chí và Tuyên truyền	1859-0411	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0 – 0,25
6.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ	0 – 0,25
7.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 0,25
8.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học	0 – 0,5
9.	Hán Nôm	1022-8640 (8066-8639)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

10.	Hàn Quốc	2354-0621	Tạp chí	Hội Nghiên cứu Khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
11.	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ học	0 – 0,25
12.	Khoa học	1859-2333-V 2615-9422-E	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5
13.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà Nội	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2017
14.	Khoa học	2354-1067 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5
15.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
16.	Khoa học	2354-1091	Tạp chí	Trường Đại học Tây Bắc	0 – 0,25 từ 2017
17.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,5
18.	Khoa học & Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5
19.	Khoa học & Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2020
20.	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-787X	Tạp chí ACI	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,25 từ 2020
21.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường ĐH Sài Gòn	0 – 0,25
22.	Khoa học ĐH Tân Trào	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2020
23.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 – 0,25 từ 2016
24.	Khoa học ĐH Huế: Khoa học Xã hội & Nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
25.	Khoa học Ngoại ngữ	1859-2503	Tạp chí	Trường Đại học Hà Nội	0 – 0,5
26.	Khoa học Ngoại ngữ Quân sự	2525-2232	Tạp chí	Học viện Khoa học Quân sự	0 – 0,25 từ 2017
27.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171 2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
28.	Khoa học Xã hội	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
29.	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KH Xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
30.	Khoa học Xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HDGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

31.	Khoa học Xã hội và Nhân văn (Vietnam Journal of Social Sciences and Humanities)	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
32.	Khoa học Xã hội Việt Nam	1913-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 1,0
33.	Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục (Cũ: Khoa học và Giáo dục)	1859-4603	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
34.	Khoa học, Journal of Science: Khoa học xã hội và Nhân văn	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
35.	Kinh doanh và Công nghệ	2615-9414	Tạp chí	Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	0 – 0,25 từ 2020
36.	Nghiên cứu châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu	0 – 0,25
37.	Nghiên cứu châu Phi & Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông	0 – 0,25
38.	Nghiên cứu Con người	2815-5777 (0328-1557)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người	0 – 0,25
39.	Nghiên cứu dân tộc	0866 -773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,25 từ 2020
40.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (Tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	2354-077X 0868-3646	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	0 – 0,25
41.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25
42.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học	0 – 0,25
43.	Nghiên cứu nước ngoài	2525-2445	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	0 – 1,0 từ 2017
44.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo	0 – 0,25
45.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
46.	Nghiên cứu văn học (Tên cũ: Văn học)	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học	0 – 0,5
47.	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
48.	Ngôn ngữ & Đời sống	0868-3409	Tạp chí	Hội Ngôn ngữ học Việt Nam	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

49.	Ngôn ngữ và Văn hóa	2525-2674	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	0 – 0,5 từ 2020
50.	Nhân lực Khoa học Xã hội	0866-756x	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,5
51.	Phát triển Khoa học & Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 1,0
52.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện tâm lý học	0 – 0,5
53.	Thông tin Khoa học Xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội	0 – 0,5
54.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học	0 – 0,25
55.	Từ điển học và Bách khoa thư	1859-3135	Tạp chí	Viện Từ điển học và Bách khoa thư	0 – 1,0
56.	Văn hóa Dân gian	0866-7284	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
57.	Văn hóa Nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,25
58.	Vietnam Social Sciences	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 1,0
59.	Xã hội học	2615-9163 (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 – 0,5

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- Nhà xuất bản quốc tế có uy tín: theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia;
 - Nhà xuất bản quốc gia có uy tín: Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Khoa học Xã hội; Giáo dục Việt Nam; Đại học Sư phạm; Đại học Đà Nẵng; Đại học Huế.

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2019

Số: 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín
trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn**

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 12/12/2014 về Quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ kiến nghị của các Hội đồng khoa học ngành/ liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Việc sửa đổi, bổ sung Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn do các Hội đồng khoa học ngành/ liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn kiến nghị và Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 224/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 08/11/2017 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát

triển khoa học và công nghệ Quốc gia về việc công bố Danh mục tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Điều 4. Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, các Hội đồng khoa học ngành/ liên ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Hội đồng Quản lý Quỹ;
- Ban kiểm soát Quỹ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Phạm Công Tạc

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC TẠP CHÍ QUỐC TẾ CÓ UY TÍN TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia)

Tạp chí quốc tế có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn là các tạp chí khoa học thuộc:

1. Danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) do Clarivate analysis công bố;

2. Cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier.

3. Các Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới sau:

3.1 Đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn (trừ ngành Kinh tế học):

3.1.1 Nhà xuất bản Springer; Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor and Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; Degruyter; World Scientific;

3.1.2 Nhà xuất bản được xếp nhóm A, B do Hội đồng kinh tế xã hội Hà Lan (SENSE) bình chọn hàng năm;

3.1.3 Nhà xuất bản của 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.

3.2. Đối với ngành Kinh tế học:

3.2.1 Nhà xuất bản thuộc mục 3.1.1 của phụ lục này;

3.2.2 Nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.

4. Danh mục áp dụng bổ sung thêm đối với các ngành/liên ngành, cụ thể như sau:

4.1 Với liên ngành Sử học, Khảo cổ học.

TT	Tên tạp chí	ISSN	Cơ quan xuất bản
1	Bulletin de l' Ecole française d' Extrême-Orient (BEFEO)	0336-1519	École française d'Extrême-Orient, France

TT	Tên tạp chí	ISSN	Cơ quan xuất bản
2	Moussons - Recherche en sciences humaines sur l'Asie du Sud-Est	2262-8363	Presses Universitaires de Provence, France
3	Вестник МГУ. Серия 8. История	0130-0083	Издательство Московского государственного университета, Russia
4	Журнал Восток	0869-1908	Институт востоковедения, Российской академии наук, Russia
5	Historische Zeitschrift	0018-2613	Oldenbourg Wissenschaftsverlag GmbH., Germany
6	History Australia	1833-4881 & 1449-0854	(CAUL Taylor & Francis Journals) Australian Historical Association, Dept. of Modern History, Macquarie University - Sydney, N.S.W., Australia.
7	全球史评论/ Global History Review	978-7-5161-3813-7	中国社会科学出版社, China
8	Asia Major	1012-4195	Journal of Institute of History and Philology, Academia Sinica, Taiwan
9	Acta Asiatica	0004-4482	Bulletin of the Institute of Eastern Culture, Japan
10	Suvannabhumi - Multi-disciplinary Journal of Southeast Asian Studies	2092-738X	Busan University of Foreign Studies, Korea

4.2 Với liên ngành Văn học, Ngôn ngữ học.

TT	Tên tạp chí	ISSN	Cơ quan xuất bản
1	Вопросы языкознания	0373-658X	Институт русского языка Российской академии наук, Russia
2	Вопросы литературы	0042-8795	Институт мировой литературы им. А. М. Горького, Russia

TT	Tên tạp chí	ISSN	Cơ quan xuất bản
3	Bulletin de la Société de Linguistique de Paris	0037-9069	La Société de Linguistique de Paris, France
4	Littérature	1958-5926	Universite Paris VIII và Larousse, France
5	Art Asiatique	2111-4552	École Française d'Extrême-Orient, France
6	國際漢學/ Guójì Hànxué/ International Sinology	2095-9257	北京外国语大学/ Beijing Foreign Studies University, China
7	漢字研究/ Hànzì Yanjiu	2093-6133	Kyungsung University, Korea
8	成大中文學報/ Chéngdà Zhōngwén Xuébào	1817-0021	成功大學/ National Chengkung University, Taiwan
9	Suvannabhumi – Multy-disciplinary Journal of Southeast Asian Studies	2092-738X	Busan University of Foreign Studies, Korea
10	中正漢學研究 / Zhongzhèng Hànxué Yanjiu	1996-269X	National Zhongzheng University, Taiwan

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC TẠP CHÍ QUỐC GIA CÓ UY TÍN TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia)

Tạp chí quốc gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn là các tạp chí thuộc danh mục tạp chí do Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước công bố hàng năm, trong đó:

- + Với các ngành/liên ngành có điểm tối đa cao nhất từ 1 điểm trở lên: tạp chí quốc gia có uy tín là tạp chí có điểm tối đa từ 1 điểm trở lên;
- + Với các ngành/liên ngành có điểm tối đa cao nhất dưới 1 điểm: tạp chí quốc gia có uy tín là tạp chí có điểm tối đa cao nhất của từng ngành/liên ngành.